

Bản án số: 69/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 12 - 2017
V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hồng;
2. Bà Nguyễn Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1239/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21-11-2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Trúc P, sinh năm: 1969; nơi ĐKKHKT: Ấp Mỹ P, xã Thiệu M, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: 3/5 khu phố Bình Đ, phường Bình H, thị xã Thuận A, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Hoàng T, sinh năm 1968; nơi ĐKKHKT: Ấp Mỹ P, xã Thiệu M, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: 3/5 khu phố Bình Đ, phường Bình H, thị xã Thuận A, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2017, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà P và ông T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức theo phong tục tập quán vào ngày 04-11-1987, nhưng do sống ở vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn nên không đăng ký kết hôn theo quy định.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên lớn tiếng cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên đã cố gắng hòa giải để nuôi dạy con chung nhưng đến nay cũng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai nên bà P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T.

Về con chung: Có 04 con chung tên: Trần Thị Kiều D, sinh ngày 10-02-1990, Trần Thị Diễm Đ, sinh ngày 06-4-1992, Trần Thị Diễm P, sinh ngày 15-7-1994 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 01-10-1996. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp:

- Bản sao sổ hộ khẩu hộ ông Trần Hoàng T;
- Giấy chứng minh nhân dân của ông T và bà P;
- Giấy khai sinh của các con chung, giấy xác nhận của UBND xã Thiệu M, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng về việc không đăng ký kết hôn.

+ Theo bản tự khai ngày 23 tháng 10 năm 2017, quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Hoàng T trình bày:

Ông T thống nhất trình bày của bà P về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà P, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, các con chung. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ giữa ông T và bà P là vợ chồng.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà P và ông T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 04-11-1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì:

Bà P và ông T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, việc chung sống mà không đăng ký kết hôn giữa bà P và ông T là vi phạm Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung, bà P và ông T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau, do vậy yêu cầu của bà P về việc tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà và ông T là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận theo Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Lẽ ra, bà P và ông T phải tuân thủ những quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn theo quy định. Bà P và ông T cần rút kinh nghiệm, nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về sau.

Về con chung: Có 04 con chung tên:

Trần Thị Kiều D, sinh ngày 10 - 02 - 1990, Trần Thị Diễm Đ, sinh ngày 06 - 4 - 1992, Trần Thị Diễm P, sinh ngày 15/7/1994 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 01 - 10 - 1996. Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Trúc P đối với bị đơn ông Trần Hoàng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Phan Thị Trúc P và ông Trần Hoàng T là vợ chồng.

- Về con chung: Có 04 con chung:

Trần Thị Kiều D, sinh ngày 10 - 02 - 1990, Trần Thị Diễm Đ, sinh ngày 06 - 4 - 1992, Trần Thị Diễm P, sinh ngày 15 - 7 - 1994 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 01 - 10 - 1996. Các con chung đã thành niên nên không xem xét.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Trúc P phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017900 ngày 17-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- THADS thị xã Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Phạm Anh Thi